

Phụ lục
TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN HỌC SINH VÀO HỌC LỚP 6
NĂM HỌC 2025-2026

(Đối với các Trường THCS có số học sinh đăng ký vượt định mức so với chỉ tiêu được giao)

Tiêu chí	Điểm quy đổi	Hướng dẫn cách tính điểm
1. Kết quả học bạ 5 năm Tiểu học (đánh giá kết quả giáo dục cuối năm)	45	
- Đạt mức Hoàn thành xuất sắc	9	Mỗi năm học sinh đạt mức "Hoàn thành xuất sắc" (quy đổi 9 điểm/năm). Nếu học sinh có 5 năm được đánh giá ở mức "Hoàn thành xuất sắc": 45 điểm.
- Đạt mức Hoàn thành tốt	5	Mỗi năm học sinh đạt mức "Hoàn thành tốt" (quy đổi 5 điểm/năm). Nếu học sinh có 5 năm được đánh giá ở mức "Hoàn thành tốt": 25 điểm.
- Đạt mức Hoàn thành	3	Mỗi năm học sinh đạt mức "Hoàn thành" (quy đổi 3 điểm/năm). Nếu học sinh có 5 năm được đánh giá ở mức "Hoàn thành": 15 điểm
2. Xét kết quả điểm kiểm tra định kỳ cuối năm học của 5 năm	23	
Điểm bài kiểm tra định kỳ cuối năm của các môn học		<ul style="list-style-type: none"> - Điểm bài kiểm tra định kỳ cuối năm của các môn học theo từng khối lớp, cụ thể: + Lớp 1: môn Toán và Tiếng Việt. + Lớp 2: môn Toán và Tiếng Việt. + Lớp 3: môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Công nghệ, Tin học. + Lớp 4: môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Công nghệ, Tin học, Lịch sử và Địa lý, Khoa học. + Lớp 5: môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Công nghệ, Tin học, Lịch sử và Địa lý, Khoa học. - Mỗi môn học đạt 10 điểm (tính 1 điểm/môn). - Mỗi môn học đạt 9 điểm (tính 0,9 điểm/môn). - Mỗi môn học đạt 8 điểm (tính 0,8 điểm/môn). - Mỗi môn học đạt 7 điểm (tính 0,7 điểm/môn). - Mỗi môn học đạt 6 điểm (tính 0,6 điểm/môn). - Mỗi môn học đạt 5 điểm (tính 0,5 điểm/môn).
3. Xét năng lực và phẩm chất của học sinh (lớp 5-cuối quá trình)	32	
3.1. Xét kết quả những phẩm chất chủ yếu	10	
Yêu nước	2	

- Mức tốt	2	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "tốt" theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- Mức đạt	1	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "đạt" theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
Nhân ái	2	
- Mức tốt	2	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "tốt" theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- Mức đạt	1	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "đạt" theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
Chăm chỉ	2	
- Mức tốt	2	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "tốt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- Mức đạt	1	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "đạt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
Trung thực	2	
- Mức tốt	2	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "tốt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- Mức đạt	1	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "đạt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
Trách nhiệm	2	
- Mức tốt	2	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "tốt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- Mức đạt	1	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "đạt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
3.2. Xét kết quả năng lực	22	

3.2.1. Năng lực chung	6	
Năng lực tự chủ và tự học	2	
- Mức tốt	2	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "tốt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- Mức đạt	1	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "đạt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
Năng lực giao tiếp và hợp	2	
- Mức tốt	2	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "tốt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- Mức đạt	1	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "đạt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo	2	
- Mức tốt	2	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "tốt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- Mức đạt	1	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "đạt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
3.2.2. Năng lực đặc thù	14	
Năng lực ngôn ngữ	2	
- Mức tốt	2	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "tốt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- Mức đạt	1	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "đạt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
Năng lực tính toán	2	

- Mức tốt	2	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "tốt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- Mức đạt	1	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "đạt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
Năng lực Khoa học	2	
- Mức tốt	2	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "tốt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- Mức đạt	1	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "đạt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
Năng lực Công nghệ	2	
- Mức tốt	2	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "tốt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- Mức đạt	1	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "đạt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
Năng lực Tin học	2	
- Mức tốt	2	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "tốt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- Mức đạt	1	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "đạt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
Năng lực Thẩm mỹ	2	
- Mức tốt	2	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "tốt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- Mức đạt	1	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "đạt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
Năng lực Thể chất	2	

- Mức tốt	2	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "tốt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- Mức đạt	1	Đáp ứng được các yêu cầu đạt mức "đạt" theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
3.3. Năng lực, phẩm chất nổi trội	2	
Nhóm đối tượng 1: Học sinh đạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia do Sở GDĐT/Bộ GDĐT tổ chức hoặc phối hợp với các sở, ngành tổ chức trên quy mô toàn tỉnh, toàn quốc.	1	Giải nhất được cộng 1 điểm; giải nhì được cộng 0,75 điểm; giải ba được cộng 0,5 điểm; giải khuyến khích được cộng 0,25 điểm (<i>chọn 01 lần và 01 thành tích cao nhất để quy đổi</i>)
Nhóm đối tượng 2: Học sinh có giấy khen, bằng khen liên quan (<i>các năng khiếu về văn hóa, nghệ thuật, thể thao/các giải thưởng, thành tích đạt được trong các cuộc thi, hoạt động. Xem xét các hoạt động xã hội: Tham gia các hoạt động Đội, Sao, các câu lạc bộ, tổ chức trong trường/các hoạt động tình nguyện, vì cộng đồng</i>).	1	Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh/Bộ GDĐT được cộng 1 điểm; giấy khen của Sở GDĐT được cộng 0,75 điểm (<i>chọn 01 lần và 01 thành tích cao nhất để quy đổi</i>)
Tổng cộng	100	

Lưu ý: Khi số lượng vượt chỉ tiêu, ưu tiên điểm số tổng cộng, xét từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Trong trường hợp tiêu chí xét tuyển (của 03 phần) có tổng điểm quy đổi bằng nhau, xem xét đến tiêu chí xét tuyển bổ sung và cách thức đánh giá (quy định tại mục 4, mục 5 của Văn bản hướng dẫn nêu trên).

UBND TỈNH KON TUM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số:620 /SGDDĐT-GDMNTH

V/v hướng dẫn xét tuyển học sinh vào học lớp 6, năm học 2025-2026 (đối với các trường THCS có số học sinh đăng ký vượt định mức so với chỉ tiêu được giao)

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố;
- Trường Tiểu học THSP Ngụy Như Kon Tum;
- Trường THPT Ngô Mây;
- Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum;
- Trường THCS-THSP Lý Tự Trọng.

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Kế hoạch số 598/KH-SGDĐT ngày 26/02/2025 của Sở GDĐT về Kế hoạch tuyển sinh các cấp học mầm non, phổ thông năm học 2025-2026.

Sở GDĐT hướng dẫn việc xét tuyển học sinh vào học lớp 6, năm học 2025-2026 đối với các trường trung học cơ sở (THCS) có số học sinh đăng ký vượt định mức so với chỉ tiêu được giao, cụ thể:

1. Phạm vi điều chỉnh: Văn bản này hướng dẫn về nguyên tắc, tiêu chí, cách thức xét tuyển học sinh vào học lớp 6, năm học 2025-2026 dành cho các trường THCS có số học sinh đăng ký vượt định mức so với chỉ tiêu được giao.

2. Nguyên tắc xét tuyển

- Đảm bảo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

- Đảm bảo thực hiện việc xét tuyển công bằng, khách quan, minh bạch, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, xác định được thành tích học tập, rèn luyện theo mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và sự tiến bộ của học sinh.

3. Các tiêu chí xét tuyển: tổng quy đổi tối đa là 100 điểm.

3.1. Đánh giá quá trình 5 năm học tiểu học (thông qua đánh giá kết quả giáo dục cuối năm trong 5 năm học tiểu học): quy đổi tối đa là 45 điểm

- Học sinh đạt mức "Hoàn thành xuất sắc"

Mỗi năm học sinh đạt mức "Hoàn thành xuất sắc" (*quy đổi 9 điểm/năm*). Nếu học sinh có 5 năm được đánh giá ở mức Hoàn thành xuất sắc: **đạt điểm tối đa 45 điểm.**

- Học sinh đạt mức "Hoàn thành tốt"

Mỗi năm học sinh đạt mức "Hoàn thành tốt" (*quy đổi 5 điểm/năm*). Nếu học sinh có 5 năm được đánh giá ở mức "Hoàn thành tốt": **đạt điểm tối đa 25 điểm.**

- Học sinh đạt mức "Hoàn thành"

Mỗi năm học sinh đạt mức "Hoàn thành" (*quy đổi 3 điểm/năm*). Nếu học sinh có 5 năm được đánh giá ở mức "Hoàn thành": **đạt điểm tối đa 15 điểm.**

Tổng số điểm đánh giá quá trình 5 năm tiểu học (ĐGQT) sẽ bằng tổng điểm của 5 năm cộng dồn từ lớp 1 đến lớp 5.

$$\text{Tổng}_{\text{ĐGQT}} = \text{Điểm}_{\text{ĐGQT}} \text{ LỚP 1} + \text{Điểm}_{\text{ĐGQT}} \text{ LỚP 2} + \text{Điểm}_{\text{ĐGQT}} \text{ LỚP 3} + \text{Điểm}_{\text{ĐGQT}} \text{ LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐGQT}} \text{ LỚP 5}$$

3.2. Kết quả kiểm tra định kỳ cuối năm học (của 5 năm học cấp tiểu học): quy đổi tối đa là 23 điểm

- Điểm bài kiểm tra định kỳ cuối năm của các môn học theo từng khối lớp, cụ thể:

+ Lớp 1: môn Toán và Tiếng Việt.

+ Lớp 2: môn Toán và Tiếng Việt.

+ Lớp 3: môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Công nghệ, Tin học.

+ Lớp 4: môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Công nghệ, Tin học, Lịch sử và Địa lý, Khoa học.

+ Lớp 5: môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Công nghệ, Tin học, Lịch sử và Địa lý, Khoa học.

- Mỗi môn học đạt 10 điểm (*quy đổi 01 điểm/môn*).

- Mỗi môn học đạt 9 điểm (*quy đổi 0,9 điểm/môn*).

- Mỗi môn học đạt 8 điểm (*quy đổi 0,8 điểm/môn*).

- Mỗi môn học đạt 7 điểm (*quy đổi 0,7 điểm/môn*).

- Mỗi môn học đạt 6 điểm (*quy đổi 0,6 điểm/môn*).

- Mỗi môn học đạt 5 điểm (*quy đổi 0,5 điểm/môn*).

Tổng điểm phần kiểm tra định kỳ cuối năm học (ĐKCN) của 5 năm bằng tổng điểm của các môn học được quy đổi trong 5 năm cộng dồn từ lớp 1 đến lớp 5.

$$\begin{aligned} \text{Tổng}_{\text{ĐKCN}} = & \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TOÁN LỚP 1} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG VIỆT LỚP 1} + \\ & \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TOÁN LỚP 2} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG VIỆT LỚP 2} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TOÁN LỚP 3} + \\ & \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG VIỆT LỚP 3} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG ANH LỚP 3} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ CÔNG NGHỆ} \\ & \text{LỚP 3} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIN HỌC LỚP 3} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TOÁN LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG VIỆT} \\ & \text{LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG ANH LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ CÔNG NGHỆ LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIN} \\ & \text{HỌC LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ KHOA HỌC LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ LỊCH SỬ ĐỊA LÝ LỚP 4} + \\ & \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TOÁN LỚP 5} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG VIỆT LỚP 5} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG ANH LỚP 5} \\ & + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ CÔNG NGHỆ LỚP 5} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIN HỌC LỚP 5} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ KHOA HỌC} \\ & \text{LỚP 5} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ LỊCH SỬ ĐỊA LÝ LỚP 5.} \end{aligned}$$

3.3. Đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh (đánh giá lớp 5-năng lực, phẩm chất cuối quá trình): quy đổi tối đa 32 điểm

- **Xét kết quả những phẩm chất chủ yếu (10 điểm):** Yêu nước/nhân ái/chăm chỉ/trung thực/trách nhiệm (ở mỗi phẩm chất, nếu mức “tốt” quy đổi 2 điểm; mức “đạt” quy đổi 1 điểm)

- **Xét kết quả năng lực (22 điểm)**

+ **Năng lực chung: 6 điểm**, bao gồm 03 nhóm năng lực: năng lực tự chủ và tự học/giao tiếp và hợp tác/giải quyết vấn đề và sáng tạo (ở mỗi năng lực, mức “tốt” quy đổi 2 điểm; mức “đạt” quy đổi 1 điểm).

+ **Năng lực đặc thù: 14 điểm**, bao gồm 07 năng lực: ngôn ngữ/tính toán/khoa học/công nghệ/tin học/thẩm mỹ/thể chất (ở mỗi năng lực đặc thù, mức “tốt” quy đổi 2 điểm; mức “đạt” quy đổi 1 điểm).

+ **Năng lực, phẩm chất nổi trội (quy đổi tối đa 2 điểm)**

Nhóm đối tượng 1: Học sinh đạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia do Sở GDĐT/Bộ GDĐT tổ chức hoặc phối hợp với các sở, ngành tổ chức trên quy mô toàn tỉnh, toàn quốc: giải nhất được cộng 1 điểm; giải nhì được cộng 0,75 điểm; giải ba được cộng 0,5 điểm, giải khuyến khích được cộng 0,25 điểm (**chọn 01 lần và 01 thành tích cao nhất để quy đổi**).

Nhóm đối tượng 2: Học sinh có giấy khen, bằng khen liên quan (các năng khiếu về văn hóa, nghệ thuật, thể thao/các giải thưởng, thành tích đạt được trong các cuộc thi, hoạt động. Tham gia các hoạt động Đội, Sao, các câu lạc bộ, tổ chức trong trường/các hoạt động tình nguyện, vì cộng đồng): bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh/Bộ GDĐT được cộng 1 điểm; giấy khen của Sở GDĐT và giấy khen của các sở, ngành được cộng 0,75 điểm (**chọn 01 lần và 01 thành tích cao nhất để quy đổi**).

* Lưu ý: Cả 02 nhóm đối tượng được cộng không quá 2 điểm.

4. Các tiêu chí xét tuyển bổ sung

4.1. Trong trường hợp tiêu chí xét tuyển (của 03 phần) có tổng điểm quy đổi bằng nhau

4.1.1. Đối tượng ưu tiên: Điểm ưu tiên được cộng vào tổng điểm xét tuyển tính theo thang điểm 10 (*mười*). Trong đó, nhóm 1: được cộng 1 điểm; nhóm 2 được cộng 0,75 điểm; nhóm 3 được cộng 0,5 điểm.

- Nhóm đối tượng 1: Con thương binh, liệt sĩ; con Anh hùng Lực lượng vũ trang; con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.

- Nhóm đối tượng 2: Học sinh khuyết tật.

- Nhóm đối tượng 3: Học sinh dân tộc thiểu số (*con của hộ nghèo*), học sinh dân tộc thiểu số rất ít người.

4.1.2. Xét cộng điểm khuyến khích đối với học sinh có “Thư khen” của Hiệu trưởng hoặc của các tổ chức liên quan về hoạt động cộng đồng: Một “*Thư khen*” cộng 0,25 điểm¹ (**Chọn không quá 02 lần “Thư khen”/cấp học để quy đổi**).

Lưu ý: Cơ sở giáo dục tiểu học cần có minh chứng cụ thể về hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh liên quan đến “Thư khen” để cung cấp cho đơn vị xét tuyển khi có nhu cầu kiểm soát để minh bạch và công khai.

4.2. Trong trường hợp tiêu chí xét tuyển (của 03 phần) bằng nhau, các tiêu chí xét tuyển bổ sung (ưu tiên, khuyến khích) cũng bằng nhau

- Giao cho các trường THCS xây dựng phương án đánh giá năng lực riêng cho phù hợp với với điều kiện và định hướng phát triển của nhà trường, cụ thể: Nhà trường tiến hành phỏng vấn, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm....

- Công khai nội dung đánh giá năng lực theo hình thức nêu trên để có cơ chế giám sát, phản biện, đảm bảo công bằng.

5. Cách thức đánh giá: Mỗi tiêu chí có các tiêu chuẩn đánh giá cụ thể, thang điểm rõ ràng. Tổng điểm tối đa là 100 điểm (*có Phụ lục kèm theo*).

- Khi số lượng vượt chỉ tiêu, ưu tiên điểm số tổng cộng của 03 phần (gồm phần 3.1 + 3.2 + 3.3), xét từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

- Trong trường hợp tiêu chí xét tuyển (*của 03 phần*) có tổng điểm quy đổi bằng nhau, xét đến đối tượng được cộng điểm ưu tiên.

¹ Theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT về đánh giá học sinh tiểu học, “Thư khen” là hình thức ghi nhận, khích lệ đối với học sinh có thành tích nổi bật trong học tập, rèn luyện và hoạt động cộng đồng. Thư khen có thể do Hiệu trưởng hoặc các tổ chức giáo dục, đoàn thể liên quan trao tặng nhằm động viên tinh thần và ghi nhận những học sinh có đóng góp tích cực, có thành tích, cố gắng trong quá trình học tập, rèn luyện phẩm chất, năng lực hoặc có những việc làm tốt.

- Trong trường hợp tiêu chí xét tuyển (của 03 phần) có tổng điểm quy đổi và đối tượng được cộng điểm ưu tiên bằng nhau, xét cộng điểm khuyến khích.

- Trong trường hợp tiêu chí xét tuyển (của 03 phần) có tổng số điểm quy đổi bằng nhau, tiêu chí ưu tiên, khuyến khích xét tuyển cũng bằng nhau thì nhà trường tiến hành phỏng vấn, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm...; . Trường hợp này, giao cho các trường THCS xem xét riêng cho phù hợp với với điều kiện và định hướng phát triển của nhà trường; đồng thời công khai nội dung đánh giá năng lực theo hình thức nêu trên để có cơ chế giám sát, phản biện, đảm bảo công bằng.

6. Tuyển sinh THCS: Thực hiện tại Chương II: Tuyển sinh trung học cơ sở (Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 quy định tại Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ GDĐT).

7. Trách nhiệm của Phòng GDĐT và các đơn vị trực thuộc Sở

- Hướng dẫn các trường trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác tuyển sinh. Công khai kế hoạch tuyển sinh của nhà trường, cơ sở giáo dục; tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển sinh theo quy định.

- Truyền thông rộng rãi, hướng dẫn cha mẹ học sinh tiểu học đầy đủ các nội dung liên quan.

- Tổ chức kiểm tra công tác tuyển sinh trung học cơ sở của các trường trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

- Thực hiện thông kê, thông tin, báo cáo về công tác tuyển sinh trung học cơ sở khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Dựa vào tiêu chí xét tuyển học sinh vào lớp 6 nêu trên, định hướng các cơ sở giáo dục tiểu học tiếp tục đổi mới công tác đánh giá học sinh tiểu học đúng quy định.

Căn cứ vào Hướng dẫn này, căn cứ vào tình hình thực tiễn tại đơn vị, Sở GDĐT đề nghị các đơn vị triển khai, thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc hoặc đề xuất, các đơn vị phản ánh về Sở GDĐT (qua Phòng Giáo dục Mầm non-Tiểu học) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các PGĐ Sở GDĐT (chỉ đạo);
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: VT, GDMNTH_(ĐTH, ĐMH).

GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Trung

